

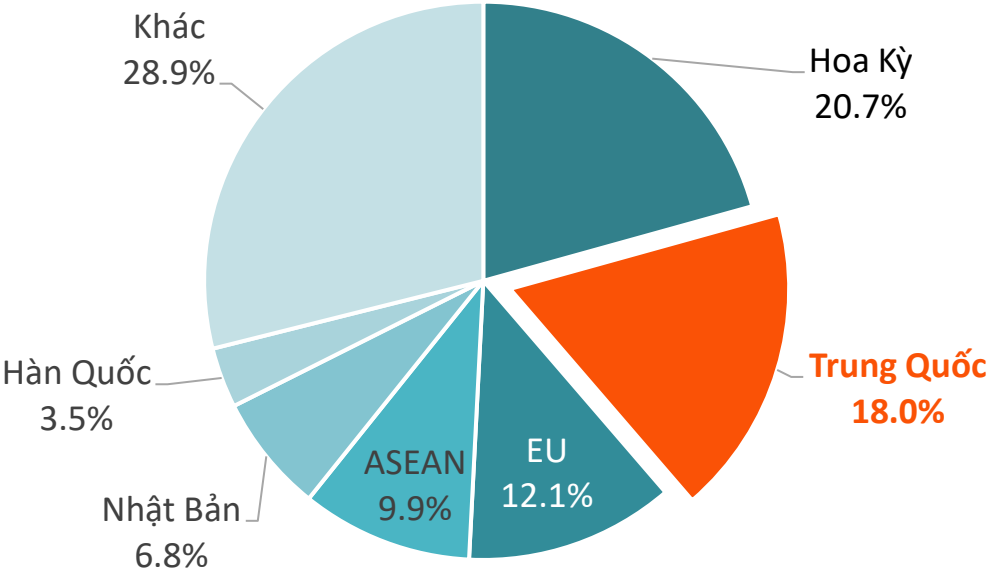
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 4/2025

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc , T4/2025

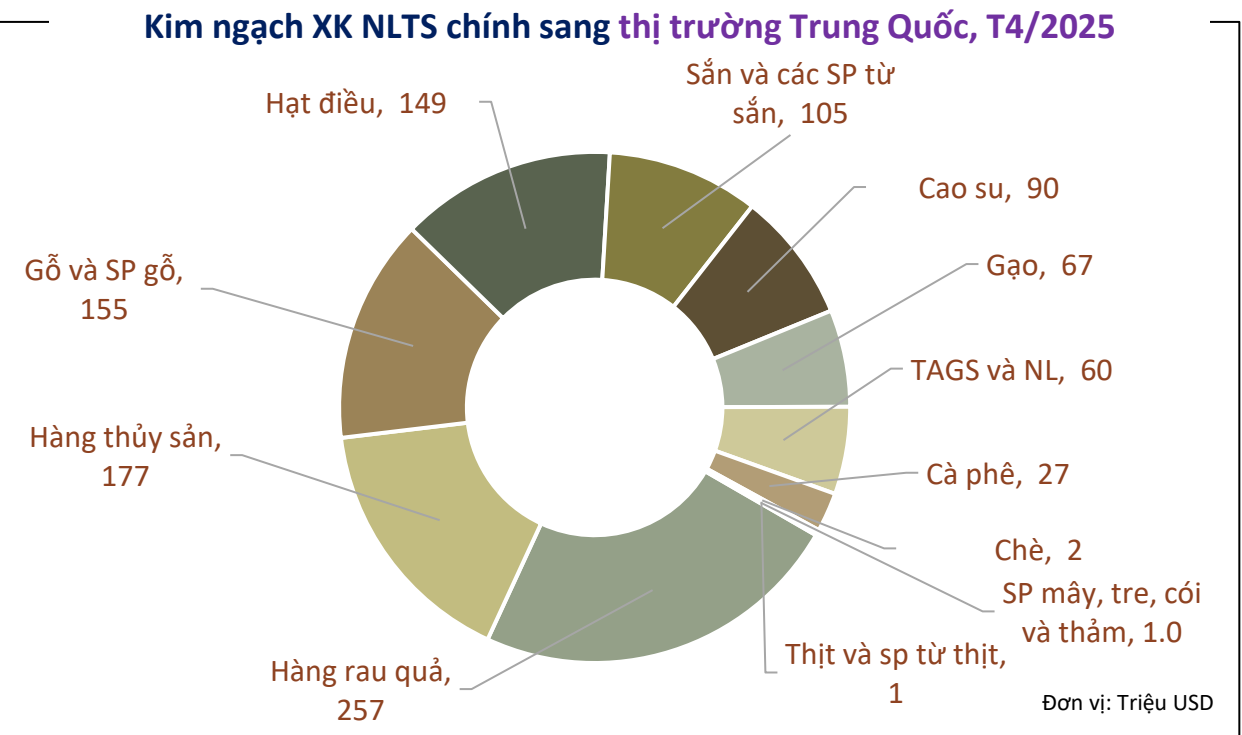
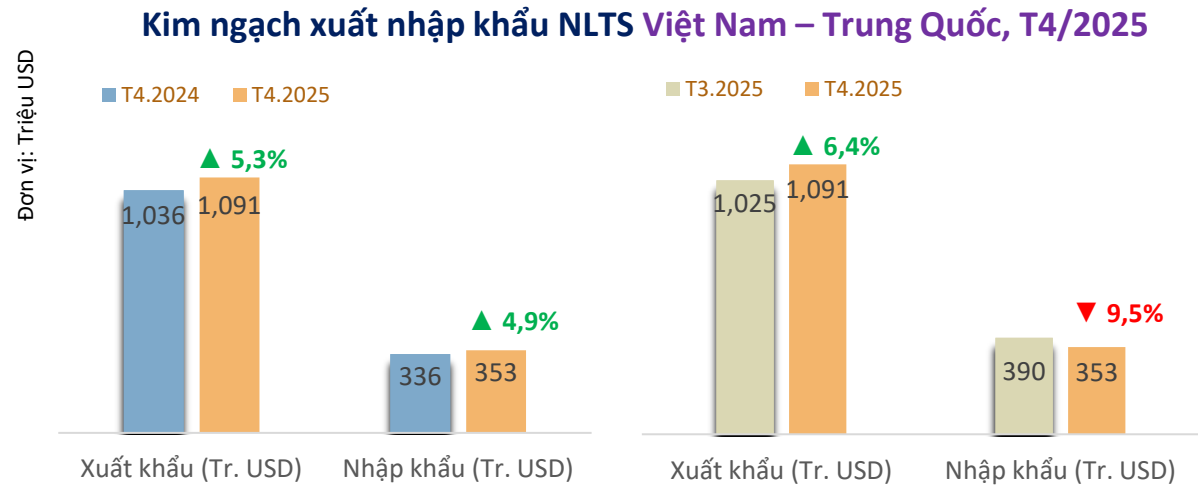


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc T4/2025 so với T3/2025 và T4/2024

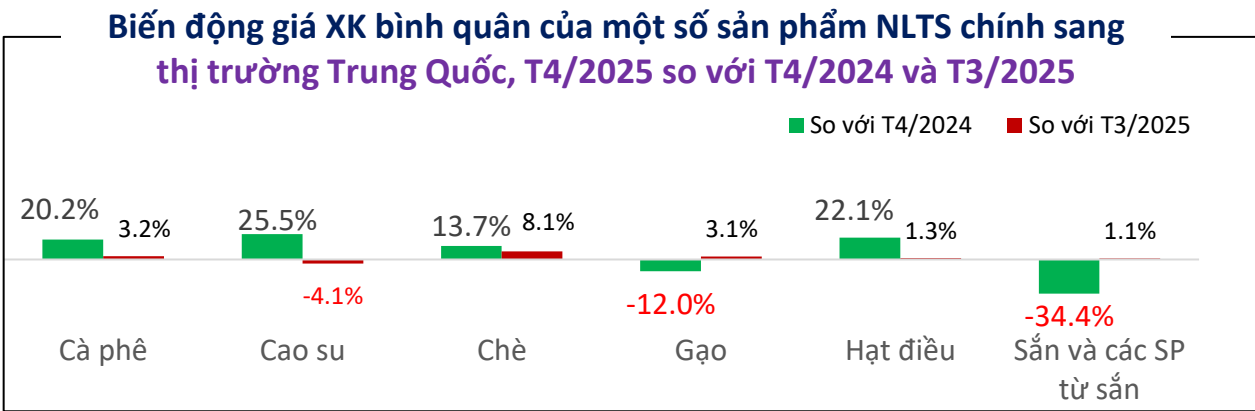
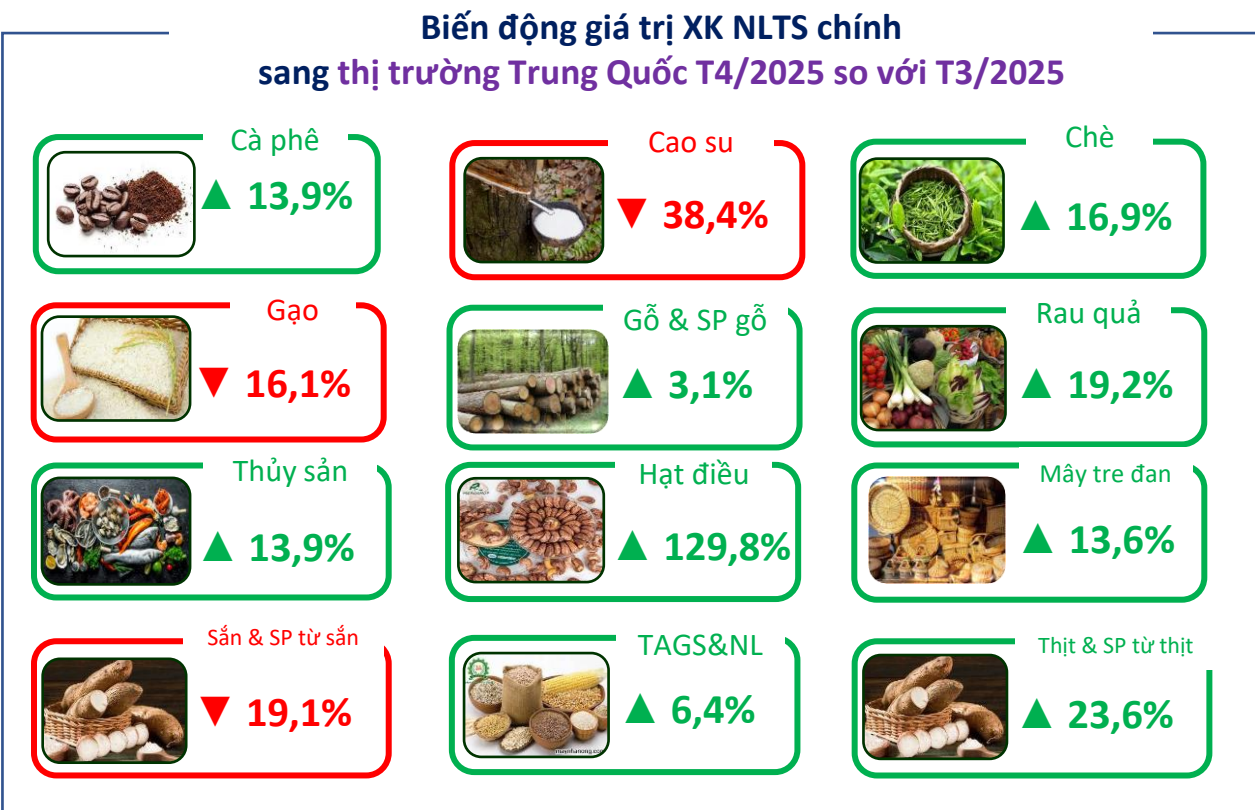
	Kim ngạch XK (triệu USD)	So với T3/2025	So với T4/2024
Hoa Kỳ	1.254	▼ 0,5%	▼ 1,3%
Trung Quốc	1.091	▲ 1,1%	▼ 2,0%
EU	736	▼ 0,6%	▲ 2,8%
ASEAN	602	▲ 0,4%	▼ 3,2%
Nhật Bản	415	▼ 0,4%	▲ 0,6%
Hàn Quốc	212	▲ 0,005%	▼ 0,4%
Tổng XK	6.062		

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 4/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



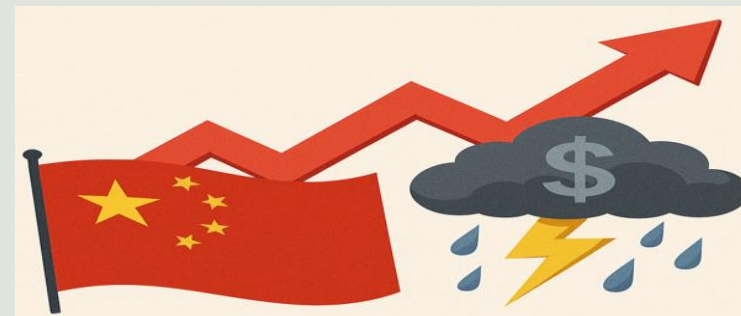
Kinh tế Trung Quốc 'lội ngược dòng' giữa căng thẳng thương mại

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), sản lượng công nghiệp trong tháng 4 tăng 6,1% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt dự báo của giới phân tích trên nền tảng dữ liệu tài chính Wind. Doanh số bán lẻ cũng ghi nhận mức tăng ổn định 5,1%. Lợi nhuận công nghiệp của các doanh

nh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 20 triệu nhân dân tệ (khoảng 2,78 triệu USD) trở lên đã tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức tăng 2,6% trong tháng 3.

Tính chung bốn tháng đầu năm, lợi nhuận công nghiệp tăng 1,4%. Về ngành nghề, chế biến nông sản và thực phẩm dẫn đầu với mức tăng ấn tượng 45,6%, theo sau là ngành chế biến kim loại màu và sản xuất thiết bị điện. Ngược lại, khai thác than là lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất, với

lợi nhuận giảm 48,9% trong bốn tháng. Ngành khai thác dầu khí và sản xuất ô tô cũng đối mặt với nhiều khó khăn.



Nguồn: Ngoquoiansat.vn

Hoa Kỳ - Trung Quốc hoãn áp thuế 90 ngày

Sau cuộc đàm phán kéo dài hai ngày tại Geneva, Thụy Sĩ (từ ngày 10-11/5/2025), Hoa Kỳ và Trung Quốc thống nhất tạm hoãn một phần thuế đối ứng trong 90 ngày. Cụ thể, Hoa Kỳ giảm thuế nhập khẩu từ 145% xuống 30%, Trung Quốc giảm từ 125% xuống 10%, các rào cản phi thuế quan cũng sẽ được dỡ bỏ.

Tuy nhiên, đến ngày 3/6, Tổng thống Donald Trump ký sắc lệnh tăng gấp đôi thuế nhập khẩu thép và nhôm từ 25% lên 50%, có hiệu lực từ ngày 4/6. Động thái này nhằm bảo vệ ngành công nghiệp trong nước và được viện dẫn vì lý do an

ninh quốc gia.

Ngày 4/6, tại cuộc họp cấp bộ trưởng của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) diễn ra ở Pháp, Bộ trưởng Thương mại Trung Quốc đã kêu gọi WTO tăng cường giám sát các biện pháp áp thuế đơn phương và xây dựng chính sách thương mại khách quan, trung lập.

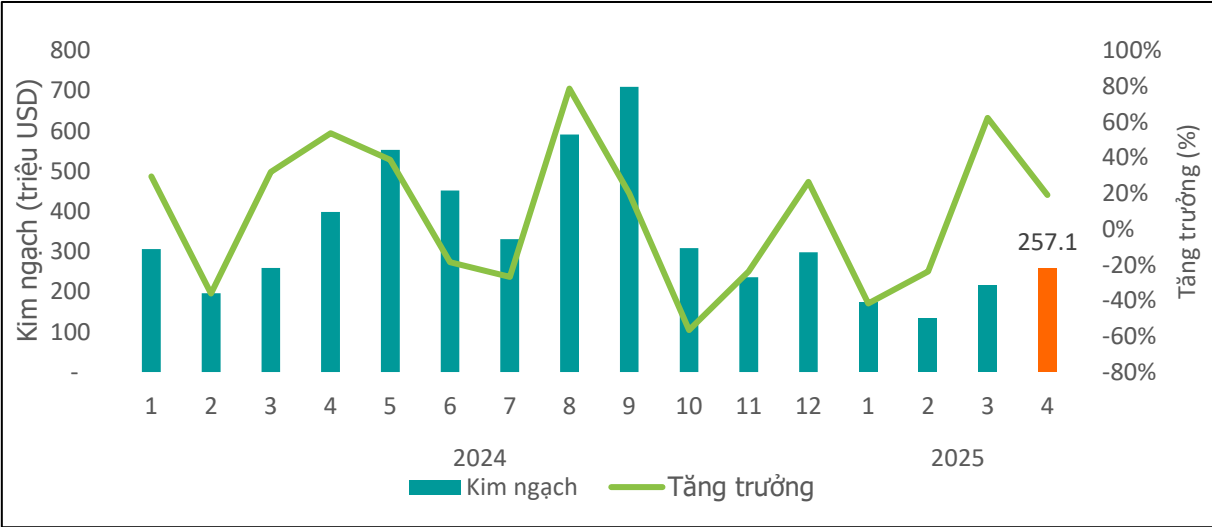


Tin liên quan

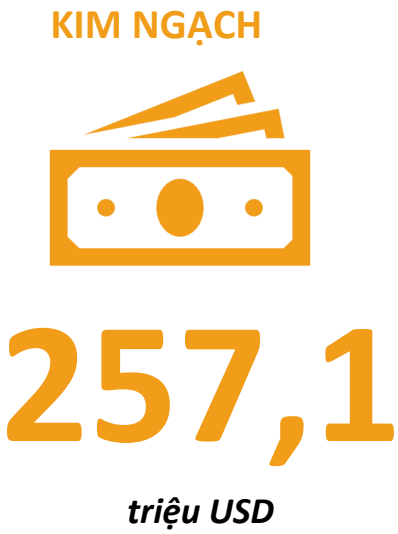


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T4/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T4/2025



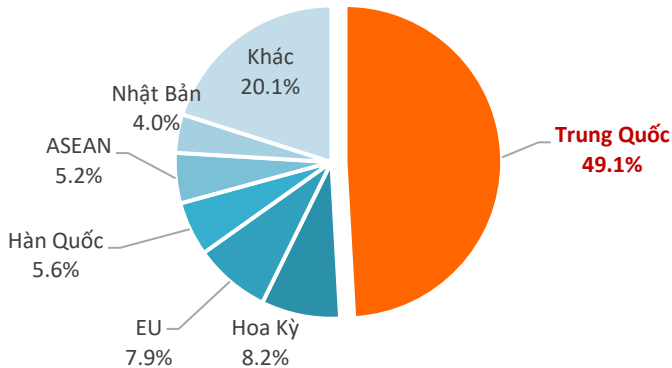
Tăng **19,2%** so với T3/2025

Giảm **35,4%** so với T4/2024

Thấp hơn **128,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **777,8** triệu USD, đạt **16,8%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T4/2025



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T4/2025

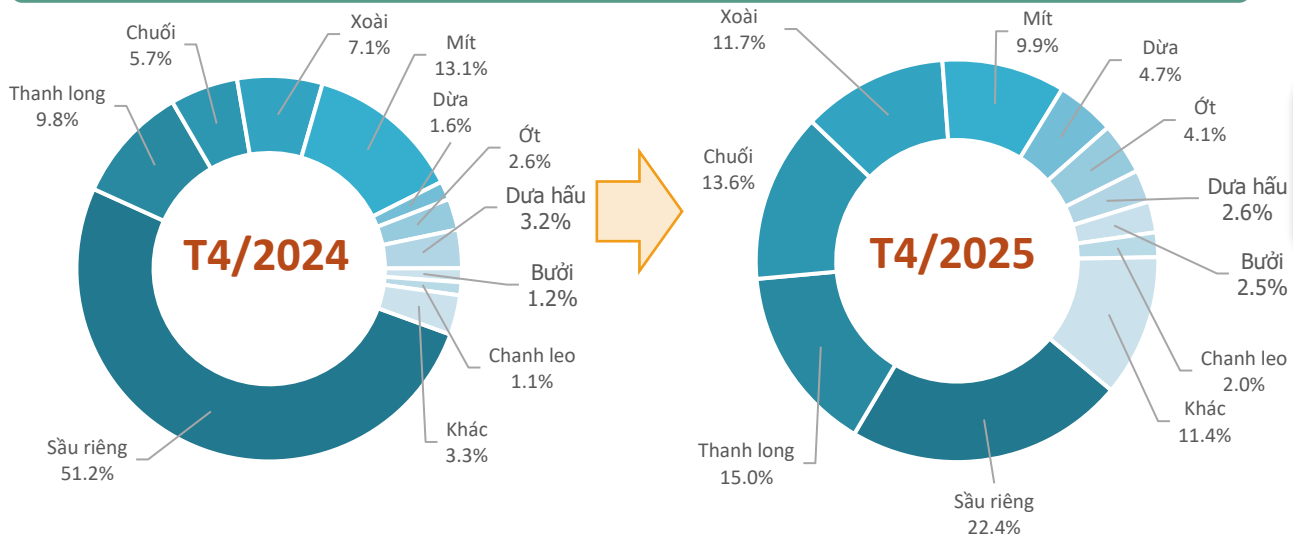


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T4/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T4/2025



Sầu riêng

Kim ngạch: **57,6** triệu USD
Tăng **155,7%** so với T3/2025
Giảm **71,7%** so với T4/2024



Thanh long

Kim ngạch: **38,7** triệu USD
Giảm **10,1%** so với T3/2025
Giảm **1,3%** so với T4/2024



Chuối

Kim ngạch: **35,0** triệu USD
Giảm **22,4%** so với T3/2025
Tăng **54,0%** so với T4/2024



Xoài

Kim ngạch: **30,0** triệu USD
Tăng **16,2%** so với T3/2025
Tăng **5,4%** so với T4/2024



Mít

Kim ngạch: **25,5** triệu USD
Tăng **0,6%** so với T3/2025
Giảm **51,1%** so với T4/2024



Dừa

Kim ngạch: **12,2** triệu USD
Giảm **2,0%** so với T3/2025
Tăng **97,0%** so với T4/2024



Ớt các loại

Kim ngạch: **10,6** triệu USD
Tăng **104,5%** so với T3/2025
Tăng **2,4%** so với T4/2024



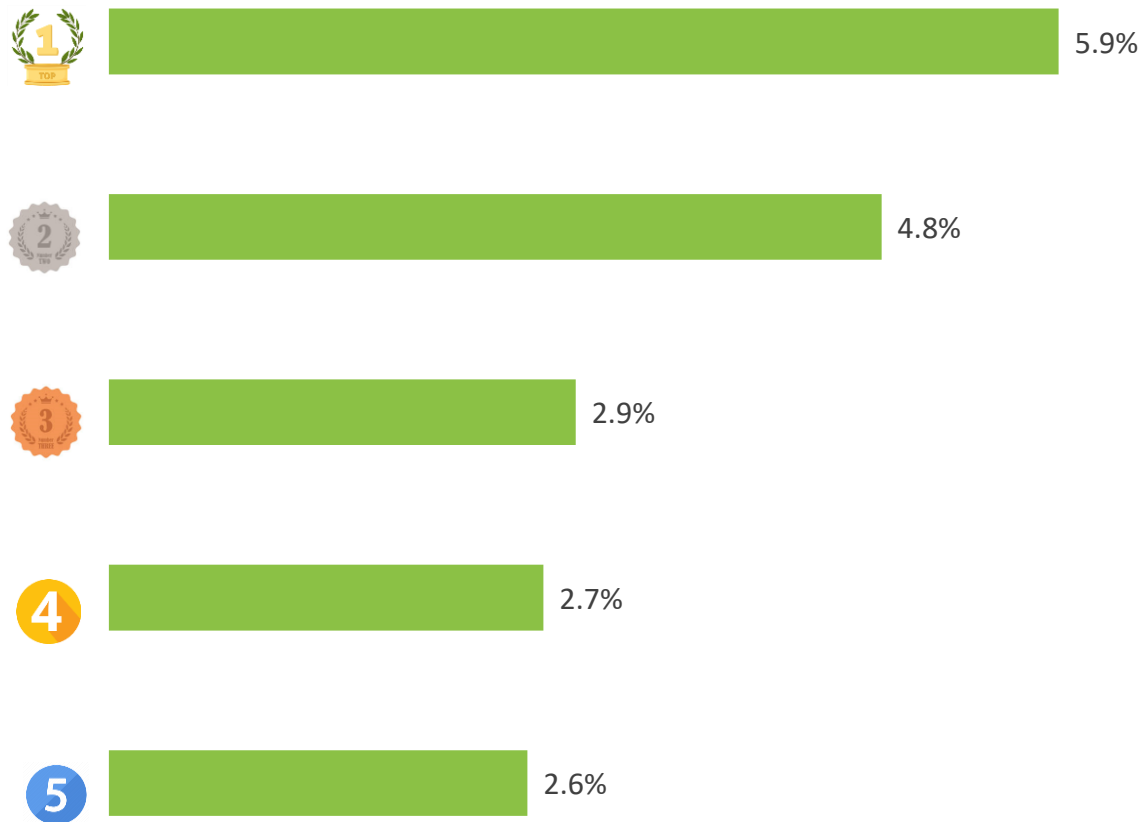
Dừa hấu

Kim ngạch: **6,7** triệu USD
Giảm **29,8%** so với T3/2025
Giảm **47,8%** so với T4/2024

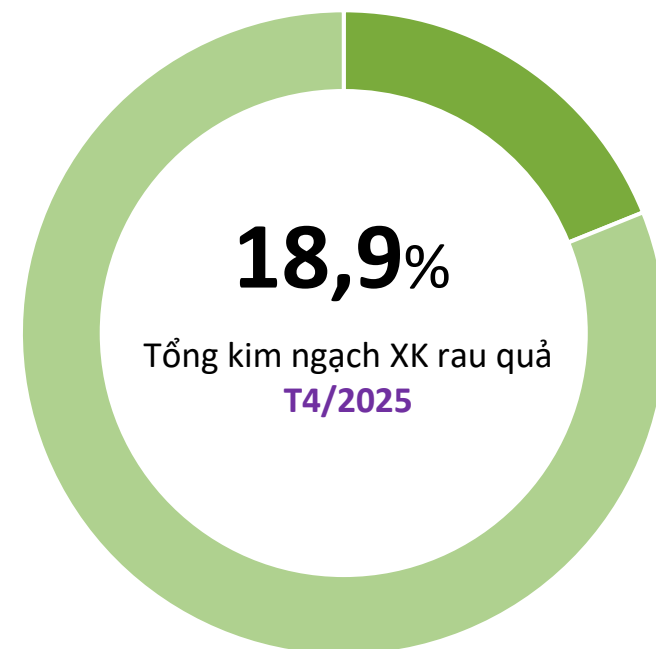


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang **Trung Quốc, T4/2025**



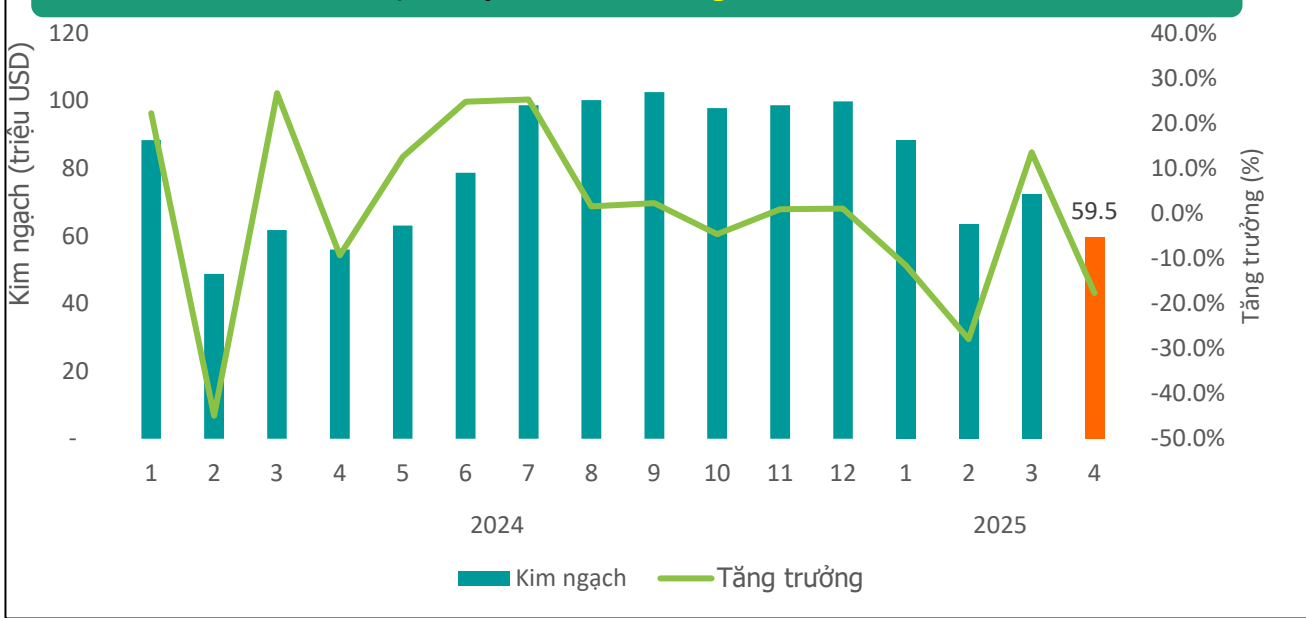
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang **Trung Quốc, T4/2025**





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T4/2025

KIM NGẠCH



59,5

triệu USD

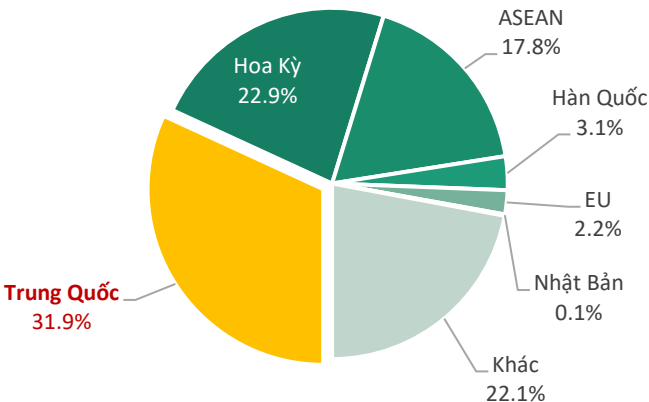
Giảm **17,7%** so với T3/2025

Tăng **6,2%** so với T4/2024

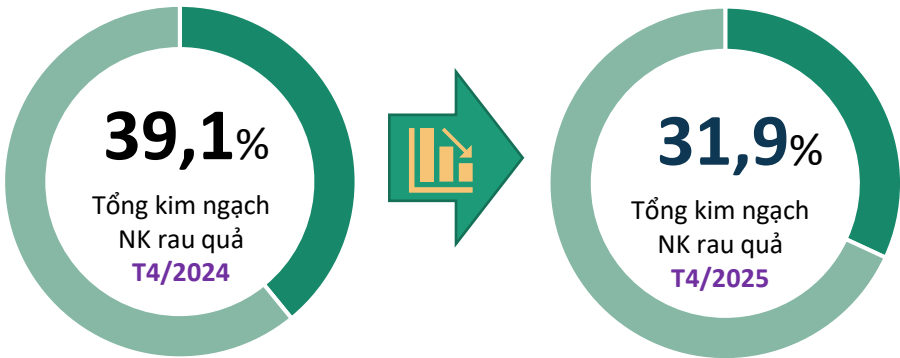
Thấp hơn **23,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **283,6** triệu USD, đạt **28,5%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2025



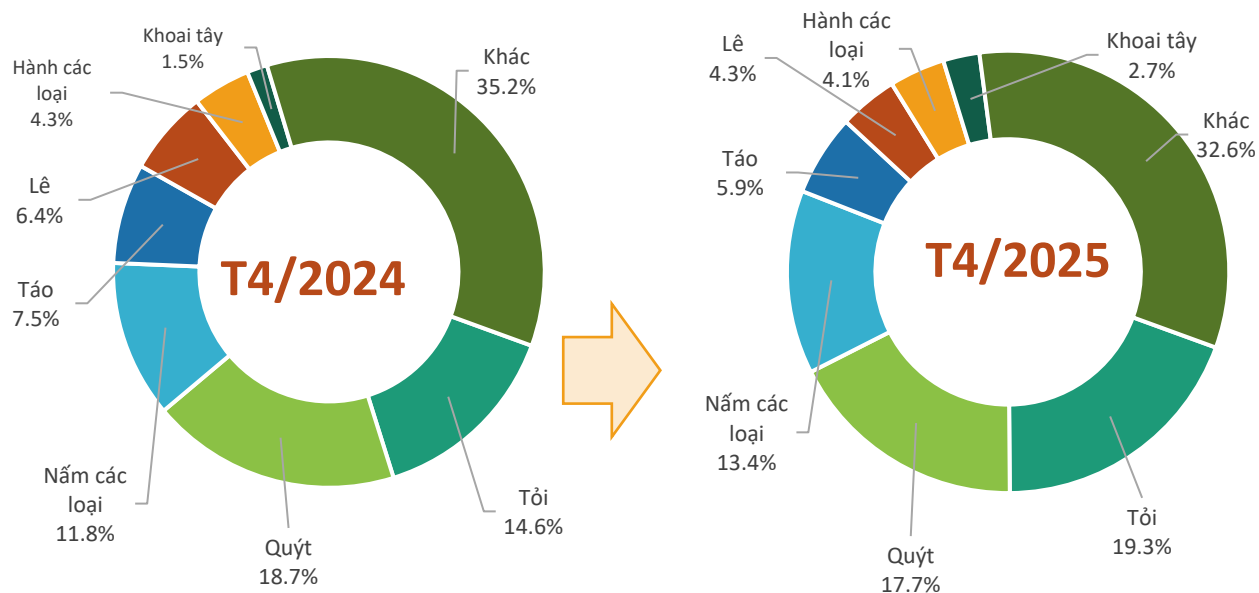
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2025





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T4/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T4/2025



Tỏi

Kim ngạch: **11,5** triệu USD
Giảm **24,5%** so với T3/2025
Tăng **40,5%** so với T4/2024



Quýt

Kim ngạch: **10,5** triệu USD
Giảm **24,5%** so với T3/2025
Tăng **46,4%** so với T4/2024



Nấm các loại

Kim ngạch: **8,0** triệu USD
Giảm **5,8%** so với T3/2025
Tăng **21,0%** so với T4/2024



Táo

Kim ngạch: **3,5** triệu USD
Giảm **27,3%** so với T3/2025
Giảm **15,9%** so với T4/2024



Lê

Kim ngạch: **2,6** triệu USD
Giảm **15,3%** so với T3/2025
Giảm **28,3%** so với T4/2024



Hành các loại

Kim ngạch: **2,4** triệu USD
Tăng **16,3%** so với T3/2025
Tăng **0,3%** so với T4/2024



Khoai tây

Kim ngạch: **1,6** triệu USD
Tăng **8,5%** so với T3/2025
Tăng **85,2%** so với T4/2024



Tin liên quan

Rau quả Việt Nam được Tổng cục Hải quan Trung Quốc tạo thuận lợi tối đa

Ngày 28/5/2025, trong cuộc hội đàm giữa Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC), hai bên thống nhất nhiều biện pháp nhằm tạo thuận lợi tối đa cho nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc.

Trung Quốc cam kết tăng cường nhân lực và thời gian làm việc tại cửa khẩu, thiết lập "luồng xanh nông sản" cho các mặt hàng quả tươi như sầu riêng, vải thiều. Việt Nam cũng triển khai các giải pháp kiểm soát chất lượng nông sản, nhất là với các chỉ tiêu Cadimi và chất nhuộm vàng O, nhằm đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm của Trung Quốc. Việt Nam đề nghị phía Trung Quốc xem xét, phê duyệt bổ sung các phòng thử nghiệm đủ năng lực phân tích chỉ tiêu Cadimi và Vàng O nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra chất lượng trước khi xuất khẩu.

Nguồn: Nongnghiepmoitruong.vn



Trung Quốc phê duyệt thêm 829 mã vùng trồng, 131 mã đóng gói sầu riêng của Việt Nam

Trung Quốc vừa phê duyệt thêm 829 mã số vùng trồng và 131 mã số cơ sở đóng gói sầu riêng của Việt Nam, nâng tổng số lên 1.469 vùng trồng và 188 cơ sở đóng gói được phép xuất khẩu chính ngạch. Đây là bước tiến tích cực giúp mở rộng xuất khẩu sầu riêng sang thị trường Trung Quốc – nơi tiêu thụ hơn 90% sản lượng sầu riêng xuất khẩu của Việt Nam.

Tuy nhiên, Trung Quốc cũng siết chặt các yêu cầu kỹ thuật, đặc biệt về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Tình trạng mua bán, giả mạo mã số vẫn diễn ra, gây rủi ro mất uy tín. Việc thu hoạch khi trái chưa đạt độ chín sinh lý, trái non, già và chạy theo lợi nhuận dẫn đến nhiều lô hàng sau khi xuất sang Trung Quốc được phản ánh sầu riêng bị sượng. Điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng, hình ảnh và thương hiệu của sầu riêng Việt Nam tại thị trường Trung Quốc.

Nguồn: Nongnghiepmoitruong.vn



Trung Quốc xuất khẩu lô hàng lê tươi đầu tiên sang Argentina

Ngày 7/5/2025, Trung Quốc lần đầu tiên xuất khẩu thành công 17,5 tấn lê tươi (2.597 thùng), trị giá khoảng 183.000 NDT (khoảng 25.420 USD) sang Argentina. Lô hàng do Công ty Botou Dongfang Fruit Co.,Ltd thực hiện. Đây là doanh nghiệp xuất khẩu lê hàng đầu tại Trung Quốc và đạt chứng nhận AEO.

Nguồn: Guojiguoshu.com

Trung Quốc tăng xuất khẩu táo sang Nga

Trong Quý I/2025, giá trị xuất khẩu táo của Trung Quốc sang Nga đạt 12,4 triệu USD, tăng 1,5 lần so với cùng kỳ năm trước và đạt mức cao nhất kể từ năm 2019. Nga hiện đứng thứ 7 trong danh sách các quốc gia nhập khẩu táo Trung Quốc, tăng hai bậc so với năm 2024. Các thị trường nhập khẩu lớn khác bao gồm Indonesia (38 triệu USD), Việt Nam (37 triệu USD) và Philippines (31 triệu USD).

Nguồn: Freshplaza.com



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025

KIM NGẠCH

176,5 triệu USD



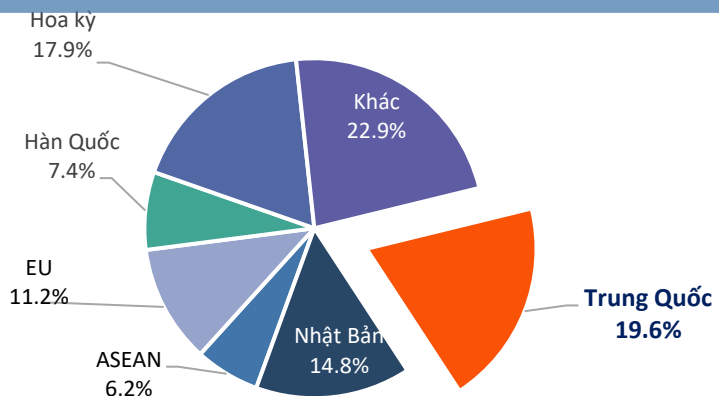
➤ Tăng **13,9%** so với T3/2025

➤ Tăng **35,3%** so với T4/2024

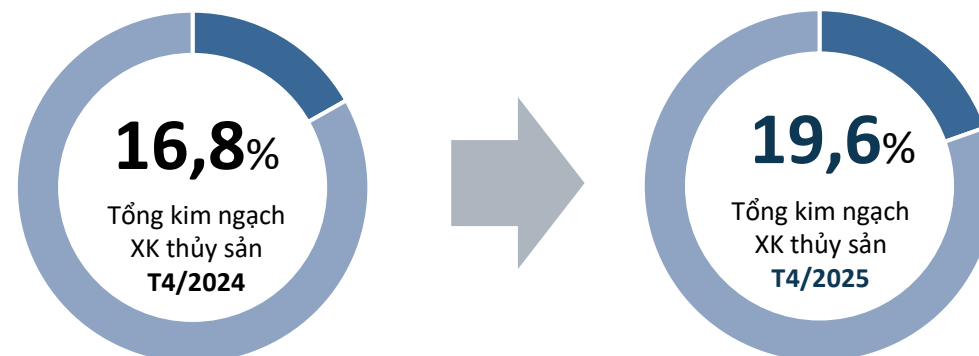
▲ Cao hơn **31,3** triệu USD so với bình quân năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng 2025 đạt **641,1** triệu USD, đạt **36,8%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



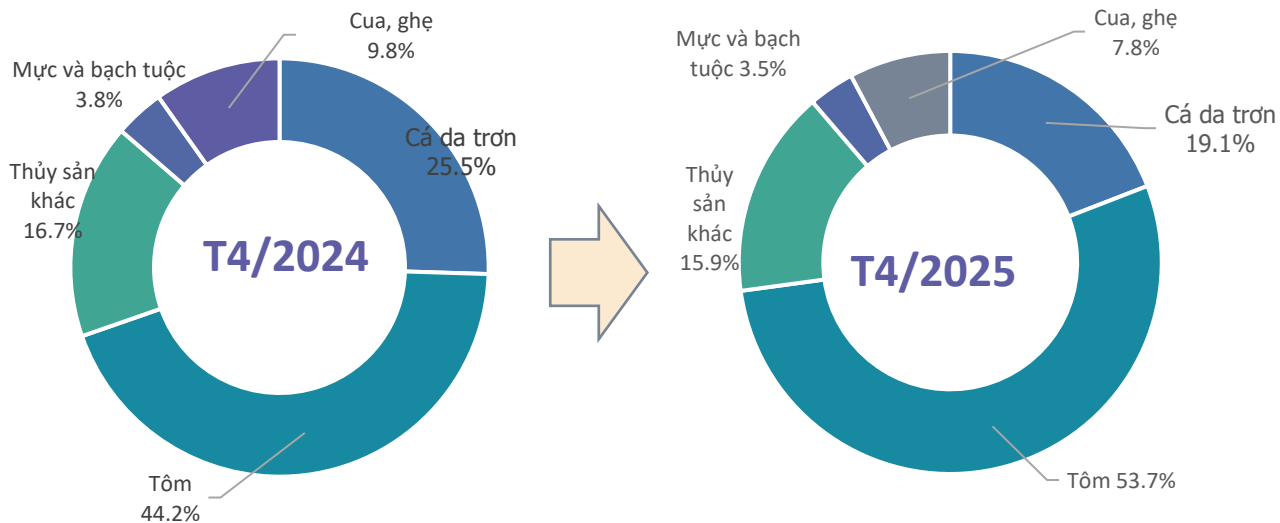
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



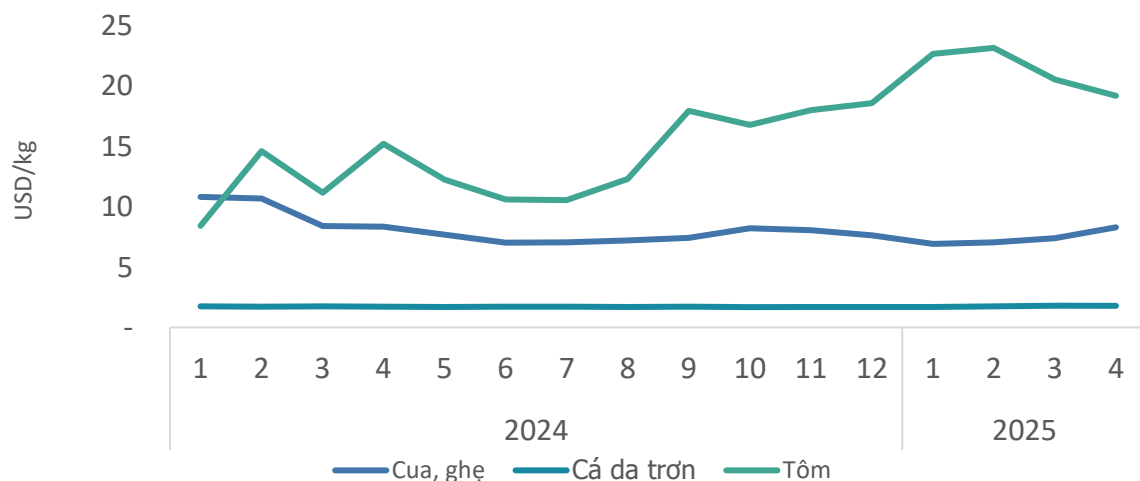


THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Cá da trơn

Kim ngạch: **33,7** Triệu USD
Tăng **18,4%** so với T3/2025
Tăng **1,4%** so với T4/2024



Tôm

Kim ngạch: **94,9** Triệu USD
Tăng **21,6%** so với T3/2025
Tăng **64,6%** so với T4/2024



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **13,7** Triệu USD
Tăng **25,4%** so với T3/2025
Tăng **7,1%** so với T4/2024

Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **8,3** USD/kg; **tăng 12,2%** so với tháng trước; và **giảm 0,7%** so với cùng kỳ năm 2024.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **1,8** USD/kg; **tăng 0,2%** so với tháng trước; và **tăng 3,5%** so với cùng kỳ năm 2024.

Tôm

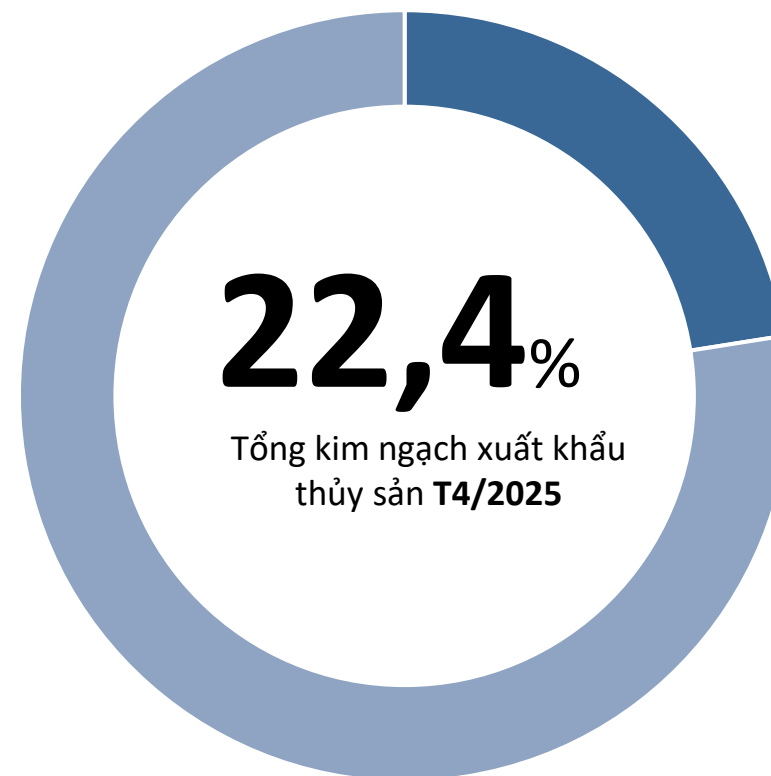
Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **19,2** USD/kg; **giảm 6,5%** so với tháng trước; và **tăng 26,2%** so với cùng kỳ năm 2024. (giá TB cao do tôm hùm chiếm tỉ lệ lớn)



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Nhập khẩu tôm của Trung Quốc tăng nhẹ

Theo Hải quan Trung Quốc, tháng 4/2025 nước này nhập khẩu 70.067 tấn tôm trị giá 356 triệu USD, tăng 5% về khối lượng và 6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Ecuador tiếp tục dẫn đầu với 75% thị phần, đạt 52.295 tấn. Ngược lại, Ấn Độ – nhà cung cấp lớn thứ hai – giảm 11% xuống 10.080 tấn, đánh dấu tháng giảm thứ tư liên tiếp do nhu cầu thấp đối với tôm bỏ đầu của Ấn Độ. Tính chung 4 tháng đầu năm, nhập khẩu tôm từ Ấn Độ giảm 21%.

Tổng nhập khẩu tôm của Trung Quốc trong 4 tháng đạt 269.689 tấn, trị giá 1,45 tỷ USD, giảm 9% về lượng nhưng tăng nhẹ 1% về giá trị nhờ giá trung bình tăng 11%. Thị trường vẫn trong xu hướng chững lại do tôm nội địa tăng mạnh và cạnh tranh từ các loại hải sản khác.

Nguồn: Vasep (T5/2025)

Giá cá rô phi Trung Quốc tăng nhẹ sau khi Mỹ tạm giảm thuế

Sau khi Hoa Kỳ công bố tạm giảm thuế đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc trong 90 ngày, giá cá rô phi tại Quảng Đông đã tăng lên 8,7 NDT/kg (khoảng 1,2 USD/kg) đối với loại 500–800g trong tuần bắt đầu từ 19/5/2025. Tại Hải Nam, giá vẫn giữ ở mức 8,0 NDT/kg (1,1 USD/kg) do các nhà máy cố giữ chi phí thấp.

Mức thuế của Hoa Kỳ áp dụng đối với cá rô phi Trung Quốc giảm từ 170% xuống còn 55%, giúp khơi thông một phần giao thương. Tuy nhiên, các đơn hàng mới từ Hoa Kỳ vẫn hạn chế và thị trường đang phản ứng thận trọng với mức thuế mới dù thấp hơn.

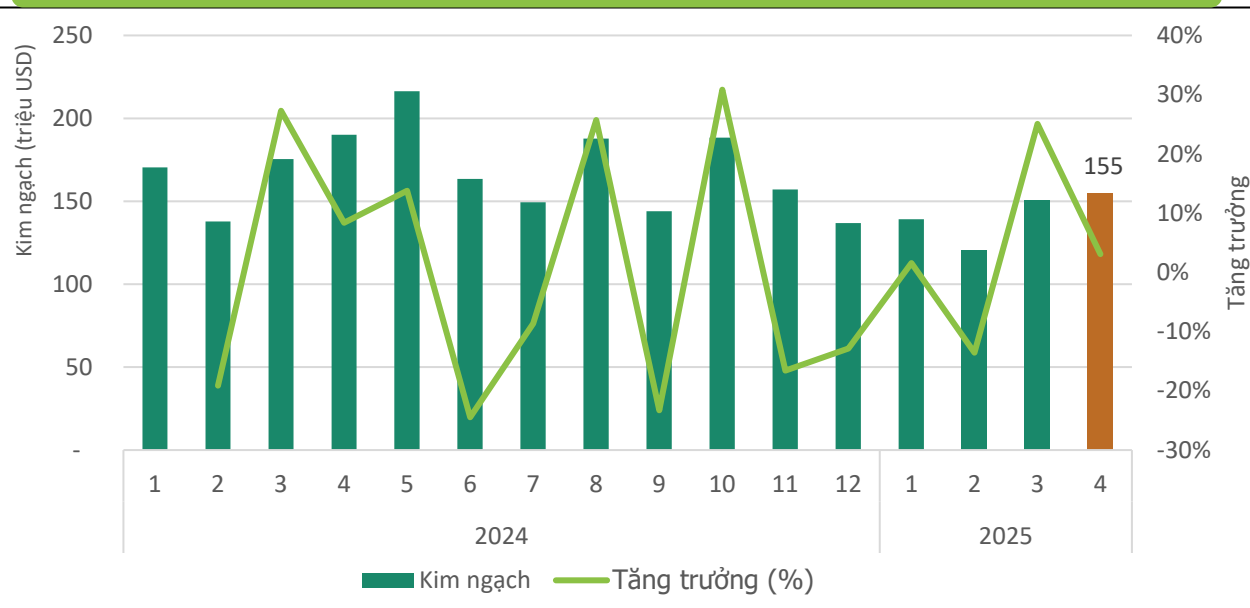
Nguồn: Vasep (T5/2025)





GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T04/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T04/2025

KIM NGẠCH



155

triệu USD

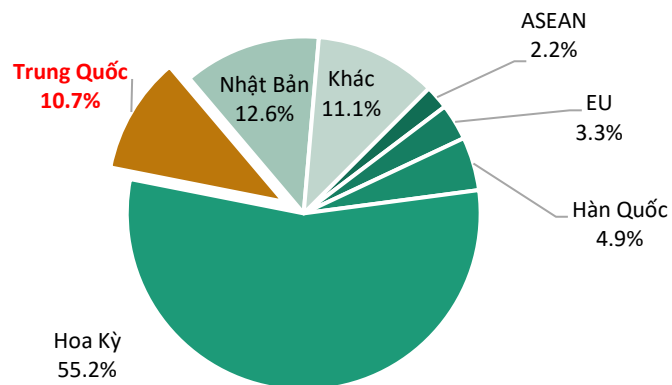
↗ Tăng **3,1%** so với T03/2025

↘ Giảm **18,5%** so với T04/2024

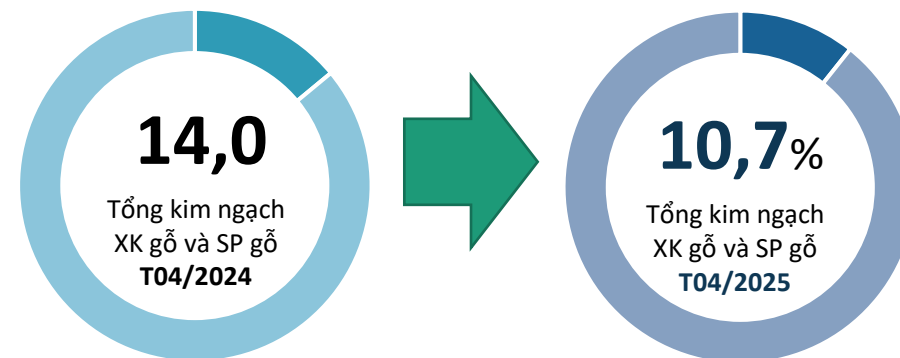
↓ Thấp hơn **13,1 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **564,7** triệu USD, đạt **28,0%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T04/2025



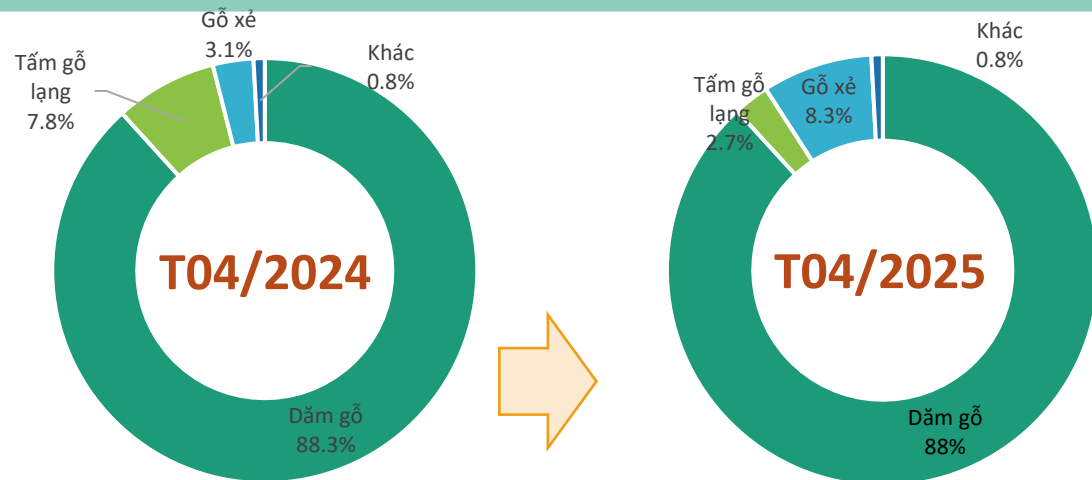
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T04/2025





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T04/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T04/2025



Dăm gỗ

Kim ngạch: **133,5** triệu USD
Tăng **4%** so với T03/2025
Giảm **21%** so với T04/2024



Gỗ xẻ

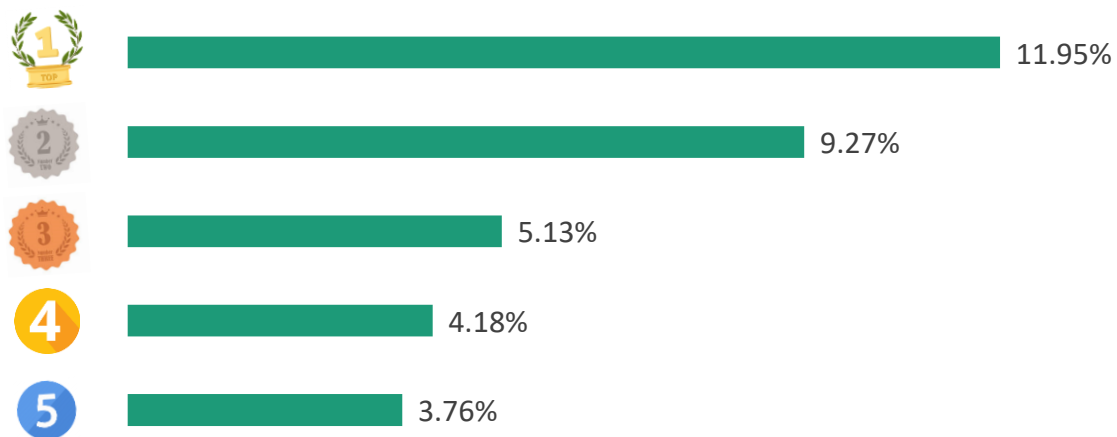
Kim ngạch: **12,5** triệu USD
Tăng **25%** so với T03/2025
Giảm **113%** so với T04/2024



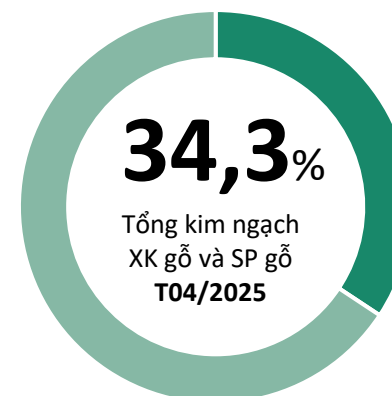
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **4,0** triệu USD
Giảm **30%** so với T03/2025
Giảm **73%** so với T04/2024

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T04/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T04/2025





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

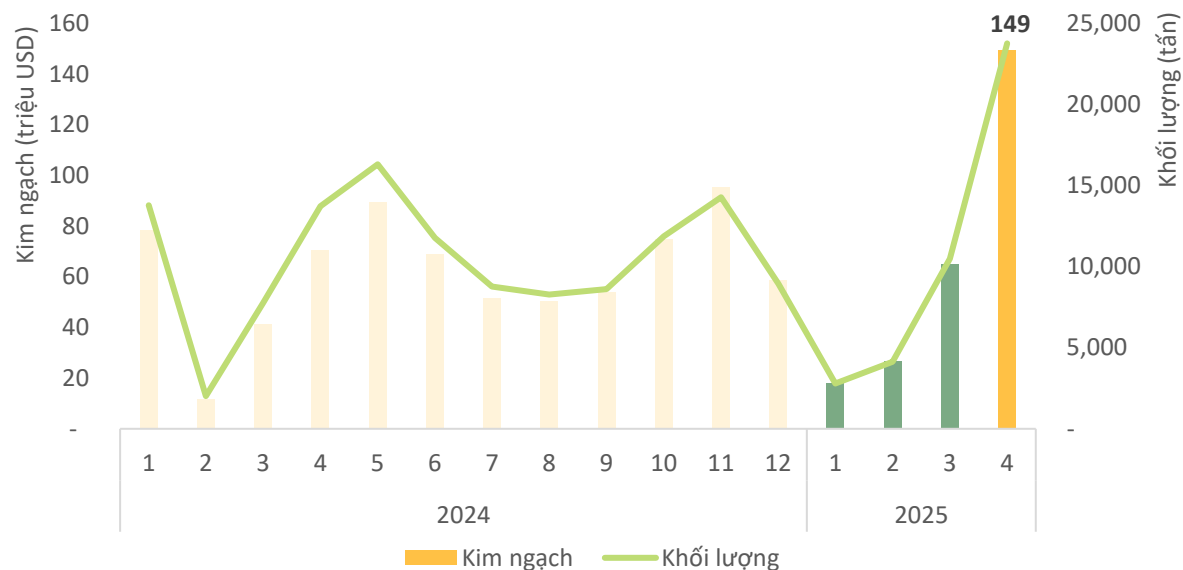
Trong quý I năm 2025, tổng nhập khẩu gỗ tròn của Trung Quốc đạt 8,07 triệu m³, trị giá 1,352 tỷ USD, giảm 9% về sản lượng và 10% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu gỗ tròn mềm chiếm 72% tổng lượng, giảm 7%, trong khi gỗ tròn cứng giảm 14% nhưng giá trung bình tăng 6%. Đáng chú ý, nhập khẩu gỗ tròn nhiệt đới giảm mạnh 19% về khối lượng và 23% về giá trị, chủ yếu do nhu cầu trong nước yếu đi bởi sự suy thoái của ngành bất động sản, chính sách khuyến khích sử dụng vật liệu thay thế (như tre), cùng với ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ và việc Trung Quốc ngừng nhập gỗ tròn từ Hoa Kỳ từ tháng 4/2025.

Về nguồn cung, New Zealand tiếp tục là đối tác lớn nhất, chiếm 52% tổng lượng nhập khẩu dù khối lượng giảm nhẹ 2% và giá trị giảm 7%. Trong khi nhập khẩu từ Đức tiếp tục giảm mạnh, các nguồn từ Nhật Bản, Canada, Latvia, Hoa Kỳ, Pháp, Đức và Slovakia lại tăng trưởng đáng kể. Riêng gỗ tròn nhiệt đới chủ yếu được nhập từ Papua New Guinea, Quần đảo Solomon và Cộng hòa Congo (chiếm 76%). Xu hướng giảm nhập khẩu gỗ tròn nhiệt đới còn chịu ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và điều chỉnh chính sách vật liệu trong xây dựng bền vững.



ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T4/2025

KIM NGẠCH

149,1 triệu USD

↗ Tăng **130%** so với T3/2025

↗ Tăng **111,5%** so với T4/2024

↑ Cao hơn **87 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **258,6 tr.USD**, đạt **35%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

23,76 nghìn tấn

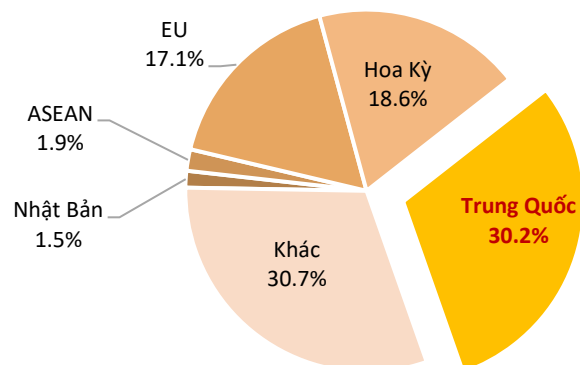
↗ Tăng **127%** so với T3/2025

↗ Tăng **73%** so với T4/2024

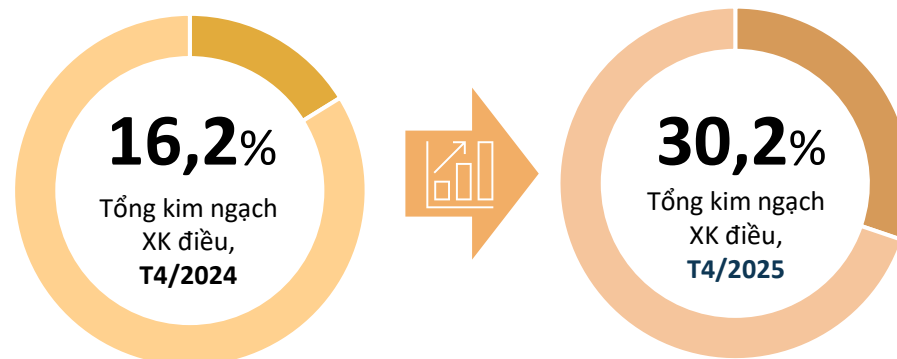
↑ Cao hơn **13 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **13,3 nghìn tấn**, đạt **33%** khối lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



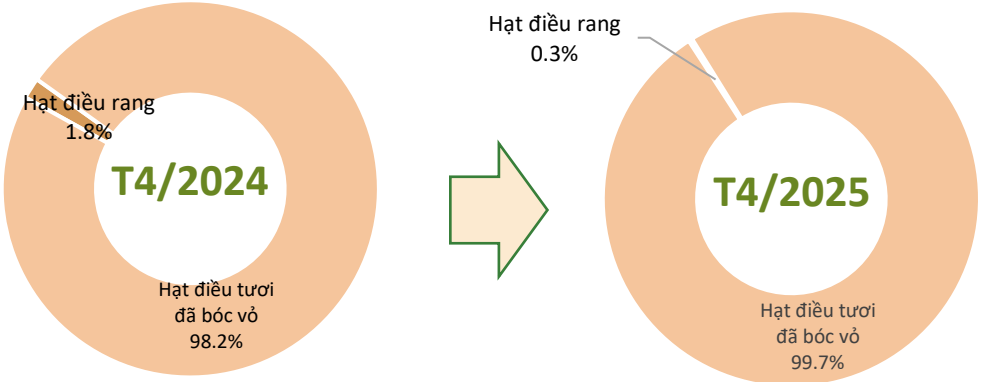
Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T4/2025





ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Điều tươi đã bóc vỏ

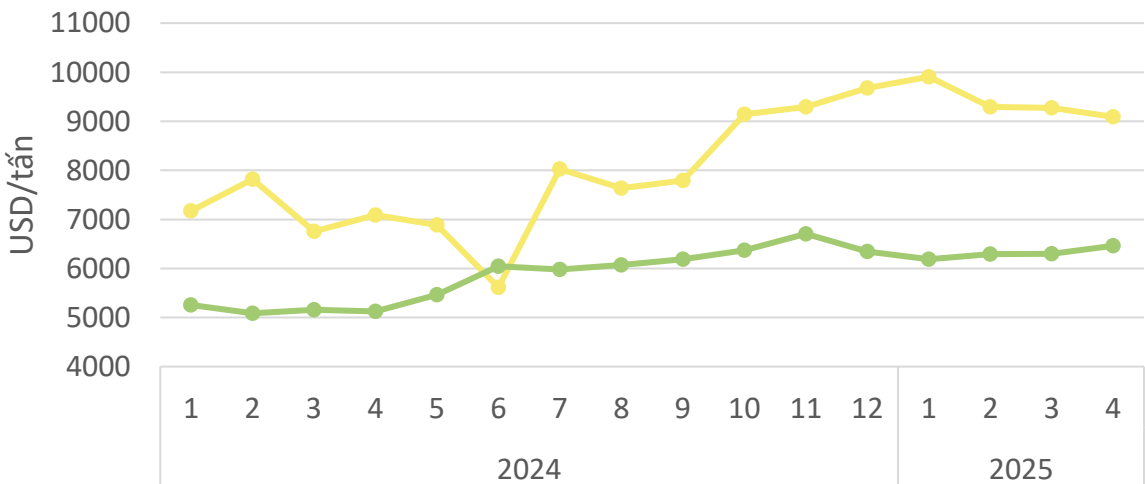
Kim ngạch: **148,6** triệu USD
Tăng **133%** so với T3/2025
Tăng **115%** so với T4/2024



Điều rang

Kim ngạch: **0,5** triệu USD
Giảm **22%** so với T3/2025
Giảm **62%** so với T4/2024

Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **6.462** USD/tấn; **tăng 2,6%** so với tháng trước; và **tăng 26%** so với cùng kỳ năm 2024.

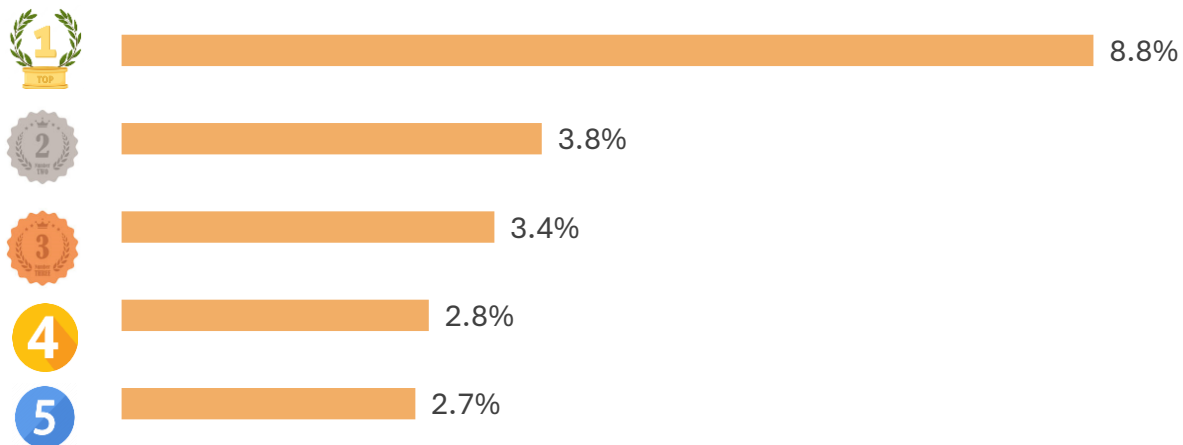
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **9.088** USD/tấn; **giảm 2,0%** so với tháng trước; và **tăng 28%** so với cùng kỳ năm 2024.

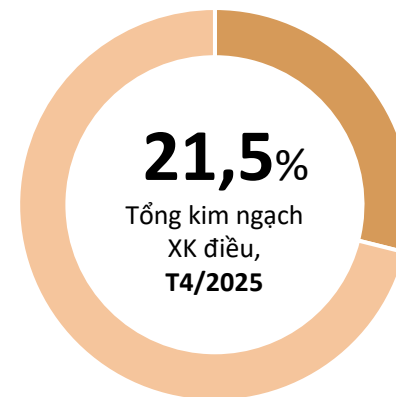


ĐIỀU

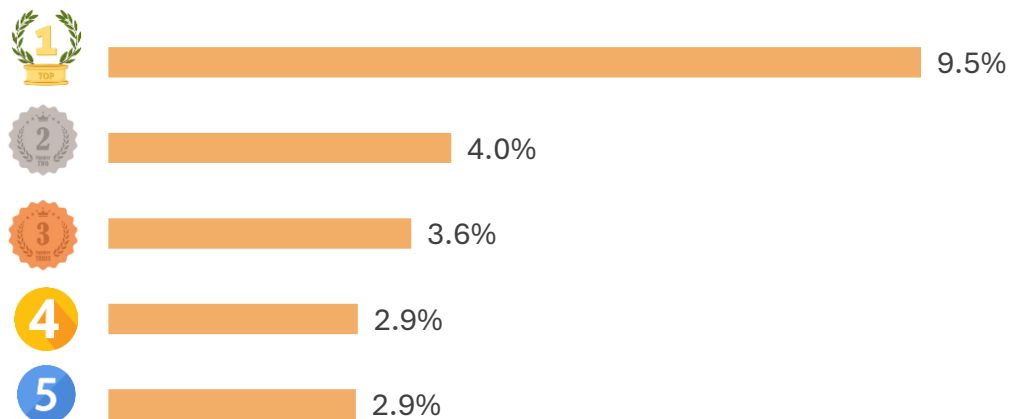
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



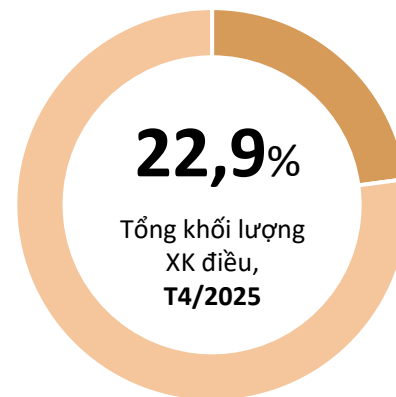
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025





Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Trung Quốc tăng mạnh

Trung Quốc trở thành thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4/2025. Nhu cầu tiêu thụ hạt điều ở Trung Quốc đang tăng lên, dẫn tới việc các thương nhân Trung Quốc mua nhiều hạt điều Việt Nam trong những tháng qua. Đặc biệt, giá hạt điều xuất khẩu sang Trung Quốc cao hơn giá xuất khẩu sang Hoa Kỳ, vì khách hàng Trung Quốc yêu cầu cao hơn về chất lượng hạt điều.

Kinh tế ngày càng phát triển và lối sống bận rộn, đặc biệt ở giới trẻ, đang thúc đẩy nhu cầu ăn vặt tại Trung Quốc. Trong số đó, hạt điều và các sản phẩm liên quan được ưa chuộng do được xem là đồ lành mạnh và tốt cho sức khỏe, khiến nhu cầu đối với mặt hàng này ngày càng tăng nhanh.

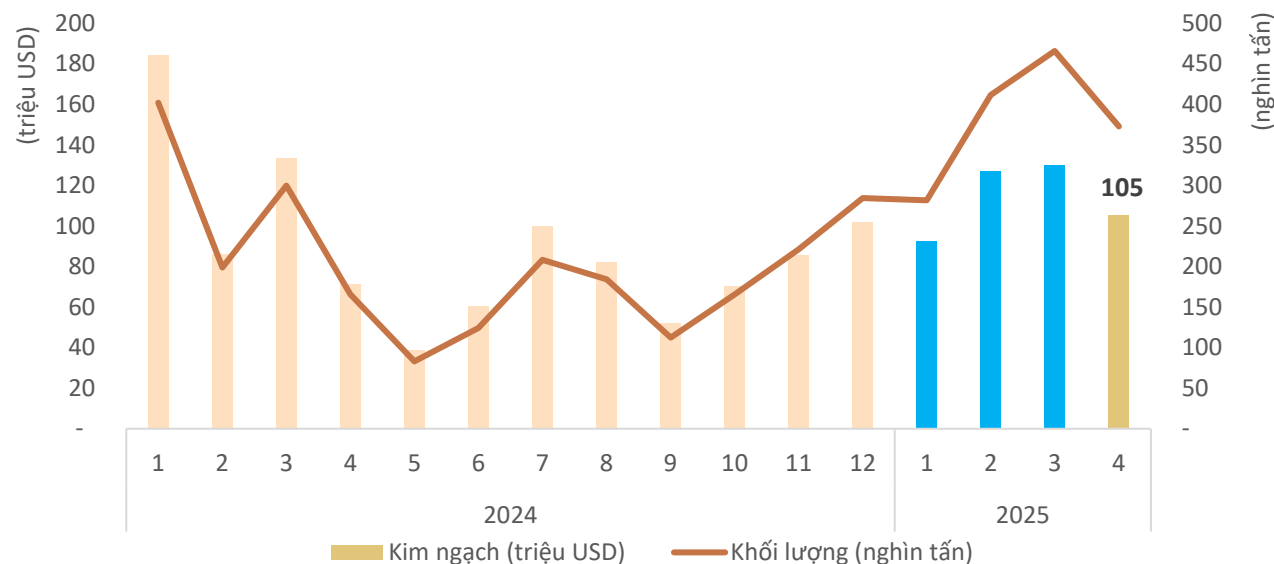
Nguồn: nongnghiepmoitruong.vn





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025

KIM NGẠCH

105,1 triệu USD

↘ Giảm **19%** so với T3/2025

↗ Tăng **48%** so với T4/2024

↑ Cao hơn **16 triệu USD** so với bình quân năm 2024

♦ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **455 tr.USD**, đạt **43%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

372,6 nghìn tấn

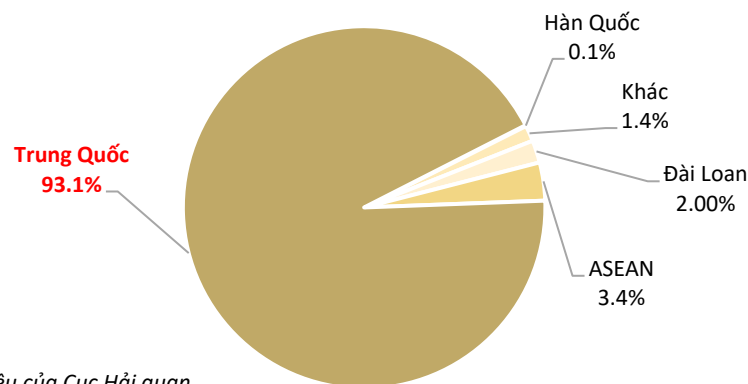
↘ Giảm **20%** so với T3/2025

↗ Tăng **125%** so với T4/2024

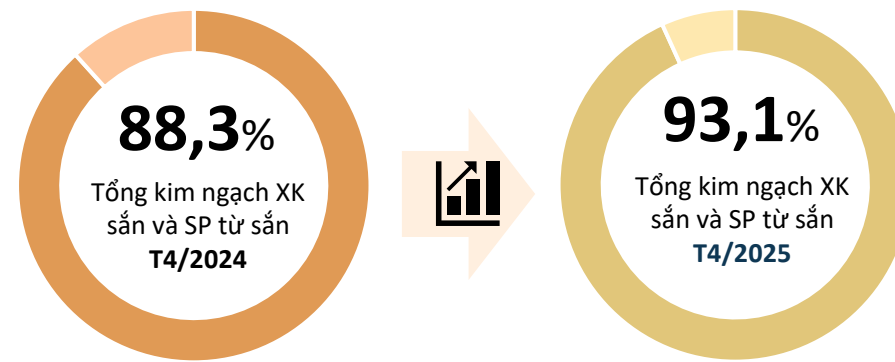
↑ Cao hơn **168 nghìn tấn** so với bình quân năm 2024

♦ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **1,5 tr.tấn**, đạt **62,5%** khối lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



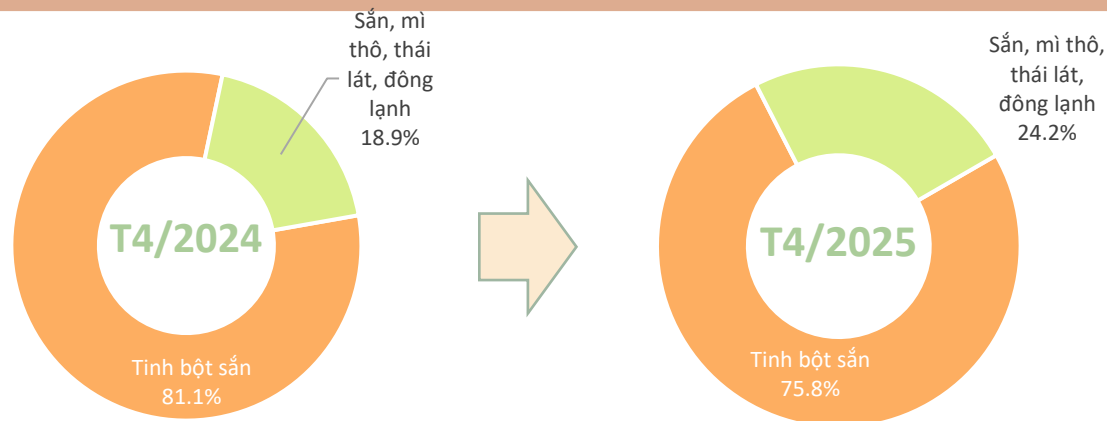
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



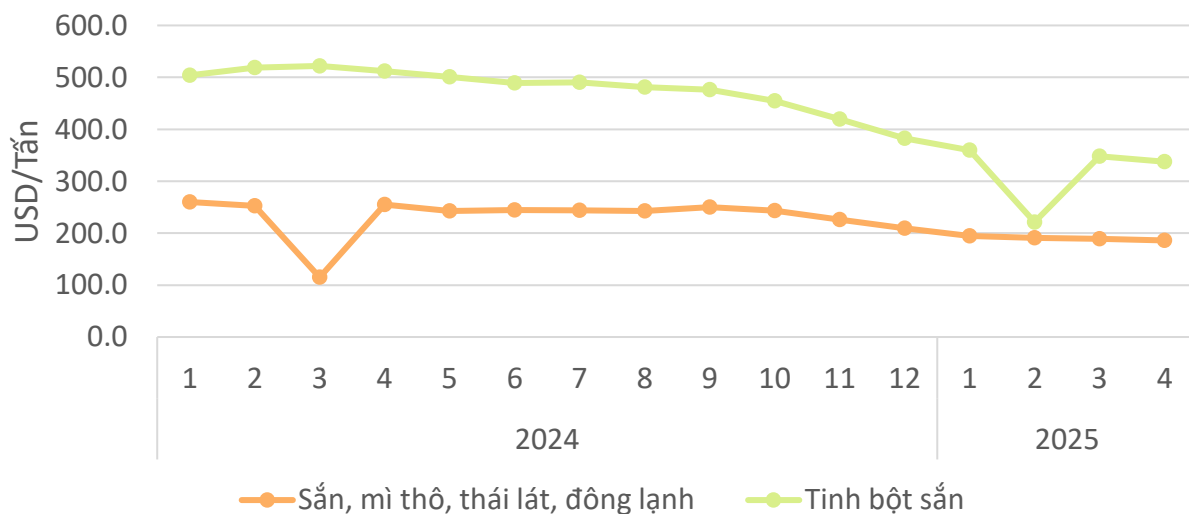


SẺN VÀ SP TỪ SẺN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Sản thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **25,4** triệu USD

Giảm **33,5%** so với T3/2025

Tăng **13,5%** so với T4/2024



Tinh bột sản

Kim ngạch: **79,6** triệu USD

Giảm **13,1%** so với T3/2025

Tăng **57,7%** so với T4/2024

Tinh bột sản

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **338 USD/tấn**; giảm **3%** so với tháng trước; và giảm **34%** so với cùng kỳ năm 2024.

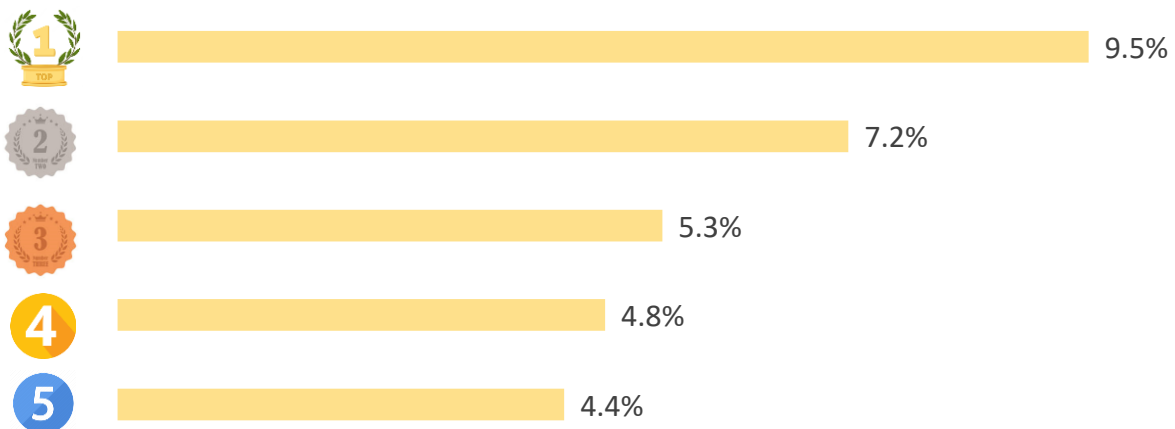
Sản thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **186 USD/tấn**; giảm **1,6%** so với tháng trước; và giảm **2,9%** so với cùng kỳ năm 2024.



SẴN VÀ SP TỪ SẴN

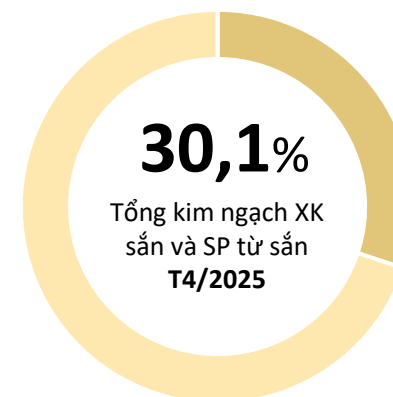
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



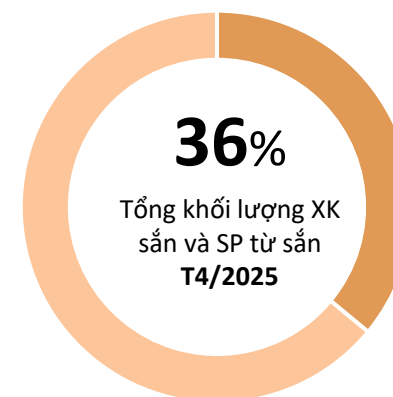
TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2025





Trung Quốc tăng nhập khẩu tinh bột sắn và sắn lát khô trong 4 tháng đầu năm 2025

Về tinh bột sắn:

Trong 4 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu gần 1,92 triệu tấn tinh bột sắn, tăng 39,7% so với cùng kỳ năm trước, dù giá trị nhập khẩu giảm nhẹ 2,7%. Việt Nam là nguồn cung lớn nhất với mức tăng mạnh 77,3%, đạt 945.200 tấn, trong khi nhập khẩu từ Thái Lan chỉ tăng 10,61%. Riêng tháng 4/2025, lượng nhập khẩu đạt 470.500 tấn (tăng 27,6%), trong đó Việt Nam chiếm hơn 42% và tăng gần 89%, còn Thái Lan giảm hơn 25%.

Về sắn lát khô:

Trong 4 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 1,94 triệu tấn sắn lát khô, trị giá 376 triệu USD, tăng lần lượt 77,69% và 31,51% so với cùng kỳ năm trước. Thái Lan và Việt Nam là hai nguồn cung chính, chiếm hơn 98% tổng lượng nhập khẩu, với mức tăng trưởng trên 75%. Riêng tháng 4/2025, Trung Quốc nhập khẩu 713.100 tấn sắn lát, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ, trong đó nhập từ Thái Lan và Việt Nam lần lượt tăng 97,15% và 105%.





Doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư 110 triệu USD để xây dựng nhà máy sản xuất giấy từ sản lớn tại Tanzania

Công ty Goodwill Tanzania, một công ty do Trung Quốc sở hữu có trụ sở chính tại Dar es Salaam, Tanzania, đã thông báo rằng họ sẽ đầu tư khoảng 110 triệu USD để xây dựng một nhà máy giấy quy mô lớn từ sản tại Làng Mkiu, Quận Mkuranga, ở khu vực ven biển Tanzania. Nhà máy mới sẽ sản xuất nhiều loại sản phẩm giấy từ nguồn nguyên liệu sản tại địa phương, bao gồm giấy chuyển nhiệt gồm chất lượng cao, giấy lụa và giấy "xanh" thân thiện với môi trường.

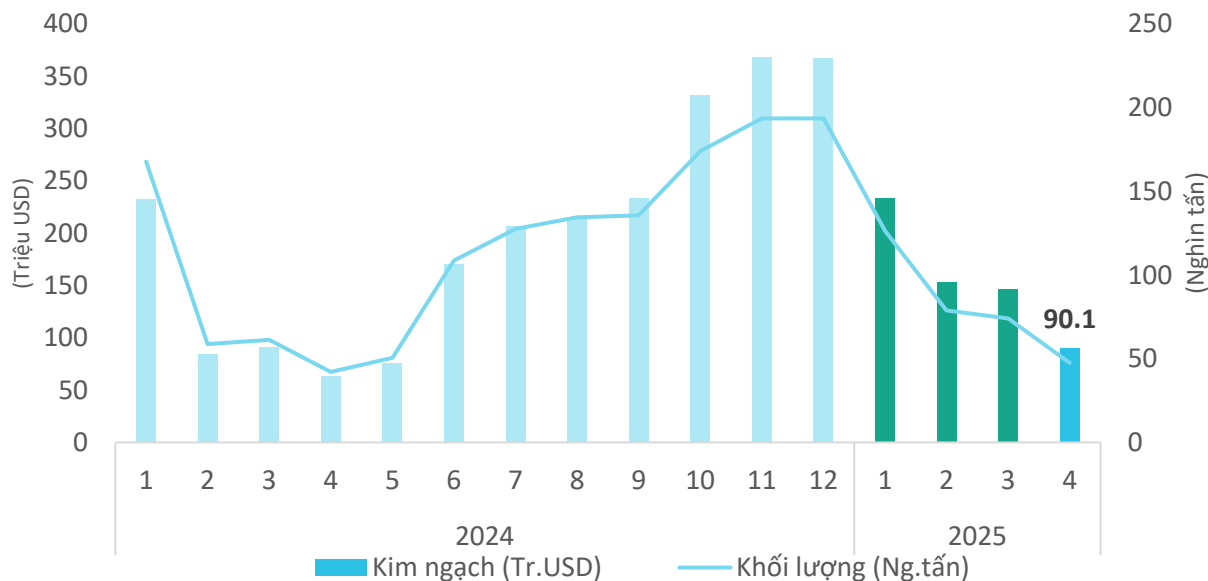
Nhà máy hiện đang được xây dựng và dự kiến sẽ đi vào sản xuất vào tháng 5 năm 2026. Ban đầu, nhà máy sẽ cần khoảng 50.000 tấn sản mỗi năm và nhu cầu dự kiến sẽ tăng lên 300.000 tấn mỗi năm, dự kiến sẽ phục hồi ngành công nghiệp sản của Tanzania.



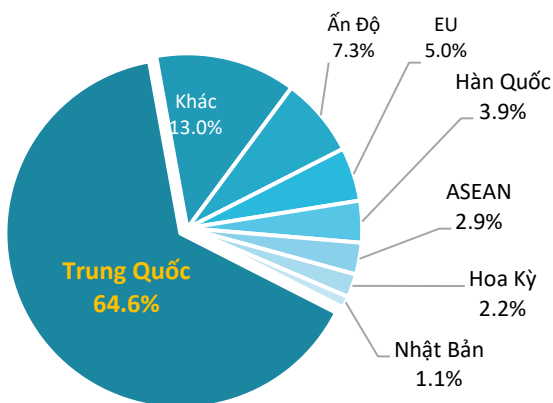


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2025

KIM NGẠCH

90,15 triệu USD

↘ Giảm **38%** so với T3/2025

↗ Tăng **42%** so với T4/2024

↓ Thấp hơn **113,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024
❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **623 triệu USD**, đạt **26%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

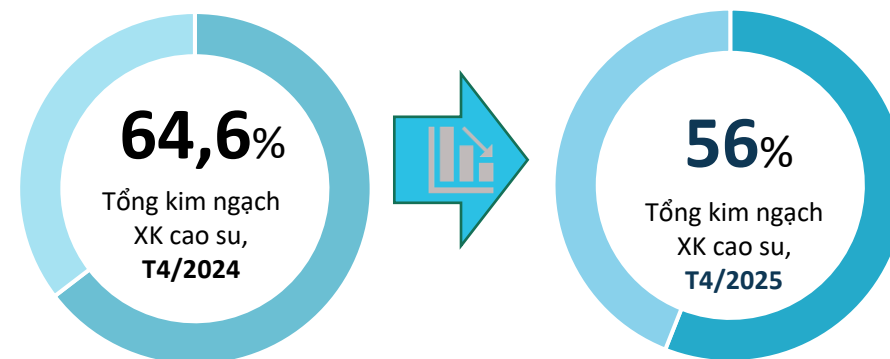
47,6 nghìn tấn

↘ Giảm **36%** so với T3/2025

↗ Tăng **13%** so với T4/2024

↓ Thấp hơn **73 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024
❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2025 đạt **327 nghìn tấn**, đạt **23%** khối lượng năm 2024

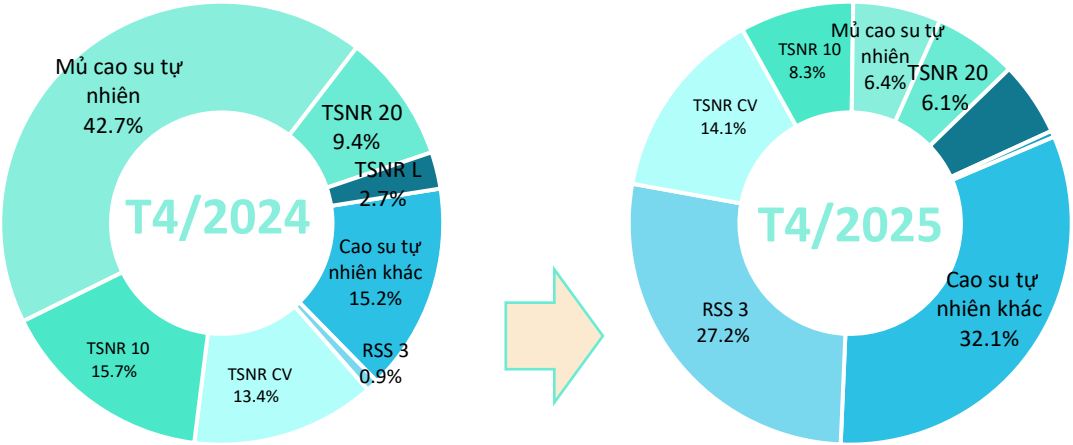
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T4/2025





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **5,8** triệu USD
Giảm **76%** so với T3/2025
Giảm **78%** so với T4/2024



RSS 3

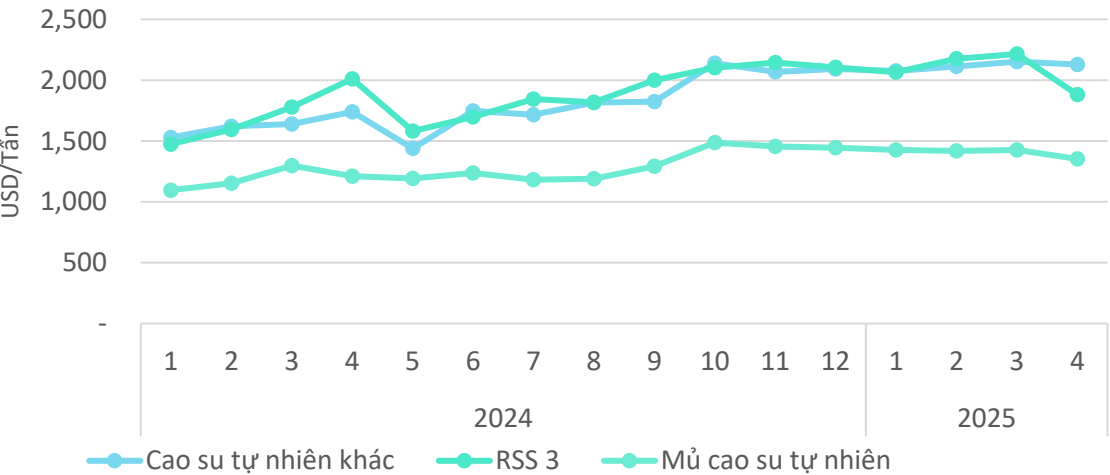
Kim ngạch: **24,5** triệu USD
Tăng **11%** so với T3/2025
Tăng **4218%** so với T4/2024



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **28,9** triệu USD
Giảm **37%** so với T3/2025
Tăng **200%** so với T4/2024

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **1.353** USD/tấn; giảm **0,6%** so với tháng trước; và tăng **12%** so với cùng kỳ năm 2024.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **1.932** USD/tấn; giảm **15%** so với tháng trước; và giảm **6,4%** so với cùng kỳ năm 2024.

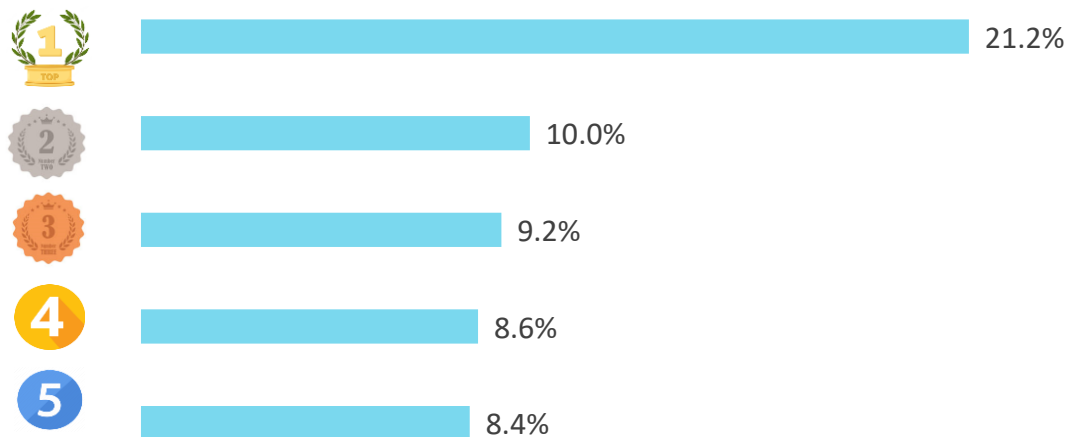
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2025 ở mức **2.129** USD/tấn; giảm **1,1%** so với tháng trước; và tăng **15,3%** so với cùng kỳ năm 2024.

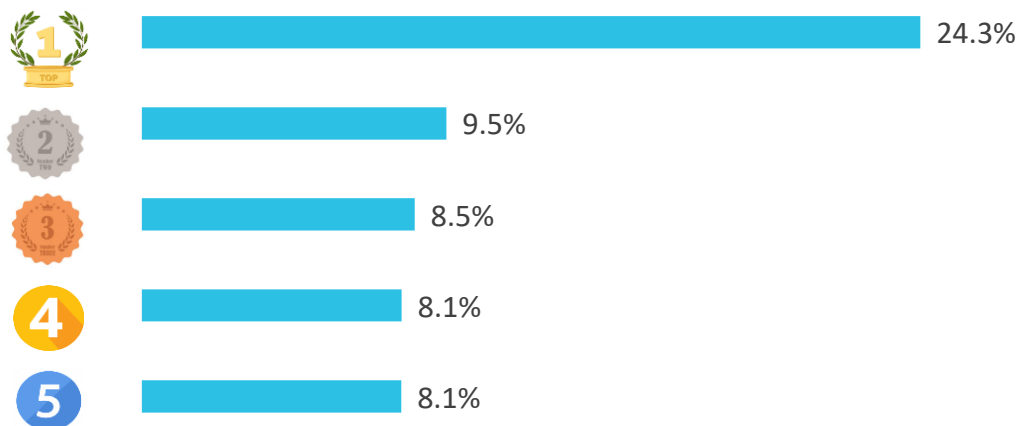


CAO SU

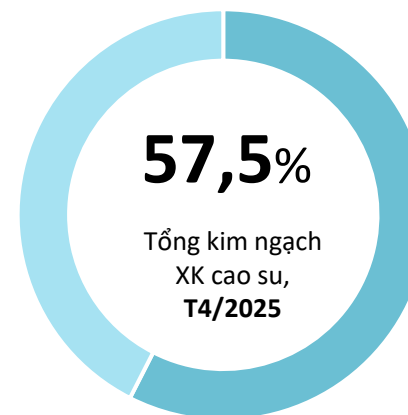
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



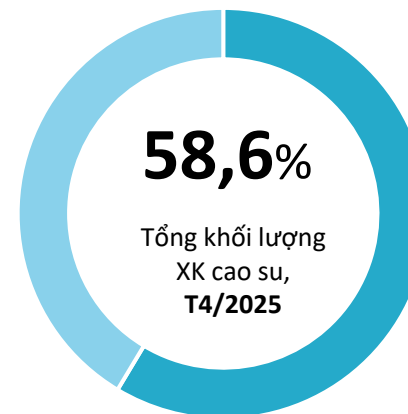
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2025





❖ Khánh thành Cơ sở sản xuất cao su Trung Quốc-Campuchia

Ngày 08/5/2025, Cơ sở sản xuất cao su Trung Quốc - Campuchia đã chính thức khánh thành tại Nam Ninh, thủ phủ Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, miền nam Trung Quốc. Tọa lạc trong khu liên hợp liên kết toàn diện Nam Ninh, cơ sở có diện tích 7.500 m², bao gồm: Dây chuyền trộn cao su với công suất hàng năm đạt 24.000 tấn; Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); Khu kho bãi phục vụ logistics. Dự án nhận được đầu tư từ các đối tác Campuchia và Thái Lan, với đội ngũ chuyên gia Thái Lan đảm nhiệm vai trò hỗ trợ kỹ thuật và quản lý tại chỗ.

Theo kế hoạch, đến năm 2026, cơ sở này dự kiến sẽ đạt giá trị sản xuất công nghiệp 1,08 tỷ nhân dân tệ (khoảng 149,8 triệu USD), đồng thời đóng góp ngân sách hơn 54 triệu nhân dân tệ (khoảng 7,5 triệu USD). Chính quyền Nam Ninh kỳ vọng cơ sở này sẽ trở thành trung tâm chế biến cao su và giao dịch hàng hóa chiến lược, kết nối với các thị trường ASEAN trong thời gian tới.



Tin liên quan



❖ “Vàng trắng” châu Phi – Công nghệ Trung Quốc tiếp sức ngành cao su Bờ Biển Ngà

Tập đoàn Trung Quốc Meilian đang đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển ngành công nghiệp cao su tại Bờ Biển Ngà, quốc gia sản xuất cao su lớn nhất châu Phi. Tính đến nay, Meilian đã vận hành ba nhà máy chế biến cao su tại nước này với tổng công suất hiện tại 300.000 tấn/năm và dự kiến đạt 480.000 tấn/năm vào cuối 2025. Các nhà máy ứng dụng công nghệ Trung Quốc giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, từ thu mua mủ đến chế biến thành phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân địa phương: giảm chi phí vận chuyển, tăng thu nhập và tạo việc làm tại chỗ.

Ngoài ra, Meilian còn đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải tiên tiến và phát triển công nghệ sản xuất ít phát thải, góp phần xây dựng ngành cao su xanh và bền vững. Nhờ sự hợp tác này, “vàng trắng” đang mở ra con đường làm giàu mới cho nông dân Bờ Biển Ngà và góp phần vào tăng trưởng kinh tế khu vực.

Nguồn: Theo xinhuanet.com



Tin liên quan



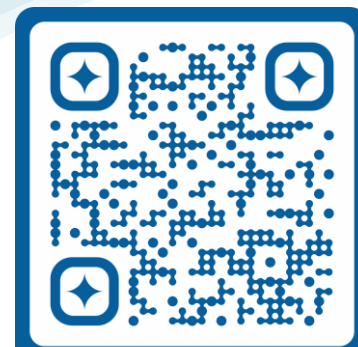
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo